

PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG TƯƠNG TÁC XÃ HỘI CHO TRẺ RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỶ 2-3 TUỔI THÔNG QUA TRÒ CHƠI GIÁC QUAN XÃ HỘI

Phạm Thùy Trang¹, TS. Nguyễn Thị Thắm²

Tóm tắt: Thiếu hụt về kỹ năng tương tác xã hội trong các bối cảnh khác nhau là một trong những khiếm khuyết đặc trưng của trẻ rối loạn phổ tự kỷ. Sử dụng các biện pháp can thiệp hành vi phát triển tự nhiên (Naturalistic Developmental Behavioral Intervention), trong đó chú trọng vào các hoạt động mang tính thói quen vui chơi và thói quen sinh hoạt gia đình trong bối cảnh tự nhiên được chứng minh là mang lại hiệu quả nhất định trong việc phát triển kỹ năng tương tác xã hội cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ trong giai đoạn can thiệp sớm 2 – 3 tuổi. Bài báo tập trung nghiên cứu việc phát triển kỹ năng tương tác xã hội cho một trẻ rối loạn phổ tự kỷ 2 tuổi 01 tháng tại Hà Nội. Kết quả sau 6 tháng tiến hành hỗ trợ thông qua việc sử dụng các trò chơi giác quan xã hội, trẻ đã đạt được những tiến bộ về kỹ năng xã hội trong bảng kiểm chương trình ESDM (Early Start Denver Model) cấp độ 1. Nghiên cứu đã phần nào chứng tỏ rằng, các hoạt động sử dụng trò chơi giác quan xã hội rất có tiềm năng trong việc phát triển kỹ năng tương tác xã hội cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ giai đoạn 2 – 3 tuổi.

Từ khóa: Rối loạn phổ tự kỷ, kỹ năng tương tác xã hội, trò chơi giác quan xã hội, trẻ 2-3 tuổi

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, tỉ lệ trẻ em được chẩn đoán có rối loạn phổ tự kỷ đã và đang có xu hướng ngày càng tăng lên. Trẻ rối loạn phổ tự kỷ thường không có kết nối hoặc không biết cách thiết lập mối quan hệ tương tác xã hội sớm với những người xung quanh [1]. Điều này được thể hiện ở việc trẻ chưa có khả năng duy trì sự chú ý chung, giao tiếp mắt kém, kém hoặc hầu như chưa có kỹ năng bắt chước xã hội, không có khả năng khởi xướng và duy trì cuộc giao tiếp. Can thiệp sớm chú trọng vào nhóm các kỹ năng tương tác xã hội luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu trong các chương trình hỗ trợ trẻ tự kỷ.

Rất nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, tỉ lệ trẻ em được can thiệp chuyên sâu sớm đều đạt được tiến bộ vượt trội, với các biểu hiện được giảm dần và một số trẻ còn hầu như không có những dấu hiệu về khuyết tật [2]. Các biện pháp can thiệp sớm về hành vi phát triển tự nhiên (NDBI - Naturalistic Developmental Behavioral Intervention) được xem là một trong những hướng can thiệp có hiệu quả nổi trội với trẻ rối loạn phổ

¹ Học viên Cao học Khoa Giáo dục đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

² Viện Tâm lý giáo dục BrainCare, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

tự kỉ, đặc biệt là đối với những trẻ trong độ tuổi 2 – 3 tuổi [1]. Nền tảng lý thuyết về những ảnh hưởng của sự phát triển tâm lý trong NDBI bắt nguồn từ các học thuyết của Piaget (1952), Bruner (1978), Vygotsky (1962), Snow (1977), Gibson (1973) và một số người khác. Theo đó, trẻ học tập tốt nhất khi chúng tham gia với tư cách là người trải nghiệm tích cực trong những bối cảnh có ý nghĩa và phù hợp với sự phát triển. Trong NDBI, cách tiếp cận theo chủ nghĩa kiến tạo được áp dụng – trải nghiệm học tập của trẻ em được thiết kế theo một chiến lược nhằm thu hút sự chú ý của trẻ một cách tích cực, giúp trẻ kết nối những trải nghiệm mới với kiến thức hiện có [3]. Dạy theo trình tự phát triển tự nhiên và giúp trẻ khám phá những quy luật của thế giới xung quanh bằng việc tăng cường độ phức tạp của trò chơi hay hoạt động một cách có hệ thống từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Điều quan trọng là sự chủ động, động lực tham gia hoạt động, sự khởi xướng tương tác xã hội trong trò chơi hay hoạt động của trẻ luôn được thúc đẩy và đề cao. Trong suốt ba thập kỉ qua, nghiên cứu về các biện pháp can thiệp theo chủ nghĩa tự nhiên NDBI đã chứng minh rằng những chiến lược này có thể được thực hiện và mang lại kết quả tích cực, nhất quán, đặc biệt là về giao tiếp, ngôn ngữ và tương tác xã hội cho trẻ tự kỉ [4] [5] [6]. Ngoài ra, trẻ tự kỉ trong độ tuổi 2 - 3 tuổi hoặc sớm hơn được can thiệp sớm theo các chương trình NDBI có khả năng khái quát hóa được cải thiện đáng kể nhờ việc được giảng dạy trong bối cảnh các hoạt động diễn ra tự nhiên [7].

Nghiên cứu toàn diện trên 17.277 trẻ từ 18 đến 30 tháng tuổi tại Việt Nam cho thấy tỉ lệ phát hiện là 0,752% và con số ngày vẫn tiếp tục cao hơn (Hoàng và cộng sự, 2017). Số lượng trẻ tự kỉ được can thiệp tại các trung tâm chuyên biệt, trường mầm non hòa nhập hay tại gia đình rất nhiều nhưng cũng có không ít trẻ không nhận được sự can thiệp nào. Các biện pháp, chương trình can thiệp thường được dựa vào các cách tiếp cận cơ bản như: tiếp cận hành vi, tiếp cận cấu trúc và tiếp cận phát triển. Mặc dù đã được chứng minh là có hiệu quả, nhưng các biện pháp can thiệp hành vi phát triển tự nhiên NDBI vẫn chưa được triển khai trên diện rộng trong các chương trình can thiệp sớm cho trẻ tự kỉ [8].

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực tiễn, đề tài xây dựng hệ thống các hoạt động sử dụng trò chơi giác quan xã hội được dạy trong bối cảnh tự nhiên nhằm phát triển kĩ năng tương tác xã hội cho trẻ tự kỉ dựa trên chương trình can thiệp ESDM. Đây là chương trình tiêu biểu của mô hình can thiệp sớm Denver được xây dựng dựa trên các biện pháp can thiệp hành vi phát triển tự nhiên NDBI [1]. Mô hình này được thiết kế để nâng cao sự chú ý xã hội có chủ định và khả năng giao tiếp của trẻ nhỏ có RLPTK, đặc biệt tập trung vào các kĩ năng quan trọng như chú ý chung, chia sẻ sự chú ý, bắt chước, ngôn ngữ diễn đạt, ngôn ngữ tiếp nhận [9]. Các trò chơi giác quan xã hội được

sử dụng trong chương trình tập trung vào các kỹ năng tương tác xã hội ban đầu đối với trẻ tự kỉ trong độ tuổi can thiệp sớm. Mỗi nhóm kỹ năng được chia nhỏ thành các giai đoạn từ thấp đến cao. Tất cả các nhóm kỹ năng trên đều có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và trong trò chơi này, trẻ cần vận dụng được tất cả các kỹ năng này để tham gia và duy trì trò chơi, khơi gợi động lực hoạt động của trẻ. Đây cũng là những kỹ năng nền tảng để trẻ có thể học được các kỹ năng cao hơn như ngôn ngữ diễn đạt, ngôn ngữ tiếp nhận, tương tác xã hội sau này.

Bài viết trình bày kết quả thực nghiệm áp dụng việc sử dụng trò chơi giác quan xã hội để phát triển kỹ năng tương tác xã hội cho một trẻ rối loạn phổ tự kỉ tại Hà Đông, Hà Nội. Phương pháp thực nghiệm cũng được nêu rõ để thấy được việc vận dụng các trò chơi giác quan xã hội theo cách tiếp cận NDBI trong việc can thiệp trẻ tự kỉ được tiến hành như thế nào.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Những vấn đề chung về nghiên cứu thực nghiệm

2.1.1. Mô tả phương pháp nghiên cứu thực nghiệm

Đề tài tiến hành thực nghiệm hệ thống bài tập sử dụng trò chơi giác quan xã hội phát triển kỹ năng tương tác xã hội được xây dựng trên một trẻ tự kỉ. Phương pháp thực nghiệm theo dạng trường hợp điển hình là phương pháp nghiên cứu hoàn toàn phù hợp khi cần xem xét hiệu quả của việc áp dụng những kỹ thuật, chương trình, biện pháp mới vào thực tiễn. Hình thức can thiệp cá nhân là một trong những phương pháp can thiệp sớm cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ và là cách làm hiệu quả trong giáo dục trẻ RLPTK. Ngoài ra, đề tài còn sử dụng phương pháp chuyên gia khi cần tham khảo sự góp ý từ các nhà chuyên môn về hệ thống trò chơi giác quan xã hội được xây dựng. Nhóm tác giả xây dựng trò chơi qua 5 bước: (1) lên ý tưởng về các trò chơi phù hợp với mức độ chức năng hiện tại của trẻ, (2) lựa chọn thứ tự thực hiện trò chơi theo các tiêu chí khác nhau, (3) chỉnh sửa và điều chỉnh các hành động chơi để tạo biến tấu trong các trò chơi, (4) thực nghiệm và (5) đánh giá lại trên trẻ. Hiệu quả của việc sử dụng các trò chơi giác quan xã hội được thể hiện qua sự tiến bộ của trẻ trước và sau khi thực nghiệm. Hiệu quả này cũng được ghi nhận thông qua ý kiến nhận xét của phụ huynh và giáo viên nhóm là những người sử dụng những trò chơi này trực tiếp trên trẻ.

2.1.2. Đối tượng thực nghiệm

Họ và tên trẻ: Nguyễn N.P

Ngày sinh: 28/04/2021

Giới tính: Nam

Địa chỉ: Triều Khúc, Hà Đông, Hà Nội

Họ và tên bố: Nguyễn N.T

Nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng

Họ và tên mẹ: Nguyễn T.H

Nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng

Tình trạng can thiệp sớm:

Trẻ được chẩn đoán, đánh giá tại bệnh viện Nhi Trung Ương là rối loạn phổ tự kỉ. Thời điểm trẻ bắt đầu học tại trung tâm chuyên biệt và được can thiệp cá nhân là 25 tháng 01 ngày. Trẻ sống cùng bố mẹ tại Hà Đông, Hà Nội. Trẻ được can thiệp bởi một giáo viên chuyên ngành Giáo dục đặc biệt. Ngoài 2 giờ can thiệp cá nhân trong một ngày, trẻ được can thiệp trong môi trường nhóm nhỏ 6 trẻ/cô tại lớp nhóm.

Vào thời điểm, trẻ bắt đầu can thiệp, Trẻ được đánh giá ở mức độ hỗ trợ cần hỗ trợ nhiều theo phân loại của DSM - 5 (Sổ tay Chẩn đoán và Thống kê Rối loạn Tâm thần, tái bản lần thứ 5). Theo kết quả đánh giá của bảng đánh giá các kĩ năng giao tiếp sớm (Tổ chức hỗ trợ và phát triển CRS, Giao tiếp với trẻ em – Tài liệu huấn luyện ngôn ngữ), cho kết quả như sau:

Kĩ năng tập trung: trẻ đang ở giai đoạn 2: Trẻ có quay lại để đáp ứng với âm thanh tuy nhiên khi gọi tên trẻ, thỉnh thoảng trẻ quay đầu lại để đáp ứng, trẻ có thể nhìn vào đồ vật trong một thời gian ngắn dưới 1 phút, có thể ngồi trên ghế hoặc đối mặt với người lớn trong các hoạt động vui nhộn mà không có khó khăn gì trong 1 – 2 phút, trẻ dễ bị phân tán, dễ mất tập trung và hiếu động, nhanh chán và đổi hoạt động liên tục.

Kĩ năng bắt chước và lần lượt, trẻ đang ở giai đoạn 1: Trẻ hứng thú và bắt chước các hành động chơi đơn giản trong chơi cua bò, kiến bò, trẻ có biểu lộ tình cảm với người thân và người chăm sóc: ôm, thơm, vuốt má, vuốt mũi, trẻ chưa bắt chước được các hành động 1 bước với đồ vật trong vòng 5 giây theo mẫu; trẻ chưa bắt chước được hành động vận động thể chất được nhìn thấy trong bài hát; trò chơi quen thuộc; chưa bắt chước được các chuyển động miệng, mặt; trẻ chưa phát âm luân phiên, lần lượt các nguyên âm hoặc các âm bật bẹ theo người lớn.

Kĩ năng xã hội và sử dụng ngôn ngữ, trẻ đang ở giai đoạn 2: Trẻ thỉnh thoảng đáp ứng với người lớn bằng cách nhìn mặt và quay lại khi nghe thấy tiếng động; trẻ muốn và thu hút sự chú ý người lớn bằng cách khóc, ăn vạ; trẻ có thể với tay người lớn khi chơi Ú òa để tiếp tục hoạt động chơi; trẻ có thể phát ra âm ê a có mục đích nhưng chưa kèm giao tiếp mắt 2 giây với người lớn để yêu cầu lấy đồ vật và trẻ muốn; khi trẻ gặp khó khăn với đồ vật (không mở được hộp, không bóc được kẹo), trẻ đưa cho người lớn đồ vật để yêu cầu sự giúp đỡ, trẻ biết thể hiện sự từ chối đồ vật bằng cách gạt hoặc đẩy đồ vật ra xa; trẻ phát âm được 1 số nguyên âm ê a và một số âm vô nghĩa nhưng không đúng ngữ cảnh; trẻ chưa phát âm lần lượt với đối tác giao tiếp, chưa biết chỉ tay

bằng ngón tay để yêu cầu đồ vật mong muốn, chưa biết chỉ tay để lựa chọn. Những kỹ năng khác theo bảng kiểm bao gồm kỹ năng cử chỉ và tranh ảnh và kỹ năng chơi, trẻ đều đang ở giai đoạn 1.

Ngoài ra, để làm cơ sở lựa chọn cho các bài tập phát triển kỹ tương tác xã hội cho trẻ, để tài còn sử dụng công cụ của bảng kiểm chương trình ESDM (Early Start Denver Model Curriculum Checklist for Young Children with Autism), các kỹ năng giao tiếp tiếp nhận, diễn đạt, chú ý chung, kỹ năng xã hội, bắt chước của trẻ đều hầu như mới manh nha, lúc đạt được lúc không tại cấp độ một (dành cho trẻ từ 12 – 18 tháng).

Với kỹ năng chú ý chung: Trẻ có thể nhìn vào những đồ chơi phát ra âm thanh (xúc xắc, còi), quay lại hướng về phía phát ra âm thanh đó; trẻ thỉnh thoảng nhìn vào tranh trong sách khi người lớn chỉ tay vào đó, nhìn vào đồ vật khi người lớn chỉ tay và nói “nhìn này”; khi được gọi ý bằng cử chỉ điệu bộ như chỉ tay, trẻ có thể thực hiện được những hành động quen thuộc hằng ngày như “ngồi xuống, lại đây, ...”. Khi gọi tên trẻ, lúc trẻ quay lại lúc không; thỉnh thoảng trẻ nhìn về phía đồ vật mà người lớn chỉ trong phạm vi gần dưới 1m. Tuy nhiên, nếu đồ vật ở xa, trẻ sẽ không nhìn vào.

Với kỹ năng giao tiếp mắt: Trẻ chưa nhìn vào đối tác khi được gọi tên; trẻ chưa duy trì được giao tiếp mắt dưới 3 giây trong các hoạt động chơi cùng người lớn;

Với kỹ năng luân phiên: Trẻ chưa thể phát âm lần lượt với đối tác giao tiếp ở tối thiểu 2 vòng; trẻ chưa biết chơi các hoạt động luân phiên như thả xu, đẩy ô tô, thả vòng, lồng cọc, ...

Với kỹ năng khởi xướng: Trẻ thỉnh thoảng phản ứng lại đối với những đồ vật/hoạt động yêu thích bằng ánh nhìn, vớ tay, mỉm cười và chuyển động, chưa vớ tay hoặc thể hiện mong muốn được tiếp tục hoạt động chơi hoặc chơi những trò chơi trẻ thích;

Với kỹ năng bắt chước: Trẻ biết bắt chước các hoạt động: giả bộ xúc ăn, uống nước. Chưa biết bắt chước hành động 1 bước với đồ vật, hành động vận động thể chất, hành động vận động ở đầu và khuôn mặt trong lời bài hát, trò chơi, chưa biết bắt chước chuyển động mắt, miệng.

2.1.3. Nội dung nghiên cứu thực nghiệm

Các bài tập sử dụng trò chơi giác quan xã hội được vận dụng để phát triển kỹ năng tương tác xã hội được xây dựng trên cơ sở các chương trình NDBI, cụ thể là chương trình can thiệp sớm ESDM (Early Start Denver Model). Chương trình thực nghiệm tập trung vào việc phát triển kỹ năng tương tác xã hội cho trẻ ở các nhóm kỹ năng cơ bản sau: (1) kỹ năng chú ý chung, (2) kỹ năng giao tiếp mắt, (3) kỹ năng luân phiên, (4) kỹ năng bắt chước và (5) kỹ năng khởi xướng. Căn cứ vào kết quả đánh giá khi bắt đầu

can thiệp, nhóm nghiên cứu lựa chọn các bài tập sử dụng trò chơi giác quan xã hội để dạy cho trẻ các kỹ năng trẻ đang ở giai đoạn manh nha hoặc giai đoạn đầu tiên của kỹ năng trẻ chưa thực hiện được (dựa vào Bảng kiểm chương trình ESDM).

Đề tài vận dụng các yêu cầu của ESDM trong việc giảng dạy từng hoạt động trong chương trình thực nghiệm. Mỗi lần dạy được phân chia thành các giai đoạn như sau: (1) Sắp xếp môi trường (Cấu trúc hóa môi trường), (2) Cho trẻ lựa chọn hoạt động trẻ thích, (3) Bắt chước và nương theo cách chơi của trẻ, (4) Đưa các chi tiết biến tấu và tăng tính phức tạp của trò chơi, (5) Chờ đợi và khích lệ trẻ khi trẻ phản hồi. Đây cũng là một phần của phương pháp phân tích hành vi ứng dụng ABA (Applied Behavior Analysis) trong dạy trẻ có nhu cầu đặc biệt.

2.1.4. Thời gian thực nghiệm

Thời gian thực nghiệm kéo dài 6 tháng. Trẻ được can thiệp khoảng 25 – 30 tiếng/tuần bao gồm giờ can thiệp cá nhân tại trung tâm, can thiệp nhóm tại lớp nhóm và can thiệp tại gia đình.

2.1.5. Địa điểm thực nghiệm

Trẻ được can thiệp tại phòng cá nhân tại trung tâm chuyên biệt. Ngoài địa điểm can thiệp ở phòng cá nhân, trẻ còn có thể được can thiệp bởi giáo viên lớp nhóm tại phòng nhóm, hoặc các khu vực sinh hoạt tại nhà khi trẻ được bố mẹ can thiệp.

2.1.6. Cách đánh giá quá trình và kết quả thực nghiệm

Việc đánh giá trẻ được tiến hành trước, trong và sau khi kết thúc quá trình thực nghiệm. Các công cụ được sử dụng trước, trong và sau quá trình thực nghiệm bao gồm Bảng đánh giá các Kỹ năng Giao tiếp sớm và công cụ bảng kiểm chương trình ESDM cấp độ 1.

2.1.7. Người tiến hành thực nghiệm

Người tiến hành là giáo viên can thiệp cá nhân của trẻ, giáo viên đã có 1 tháng tiếp xúc và làm quen, trở thành bạn cùng chơi của trẻ. Giáo viên tốt nghiệp chuyên ngành Giáo dục đặc biệt và có nhiều năm kinh nghiệm, được tham gia tập huấn và thực hành chuyên môn về mô hình ESDM dành cho giáo viên cá nhân. Bố mẹ trẻ cũng đã phối hợp dạy trẻ cùng giáo viên cá nhân thông qua các buổi họp phụ huynh vào thứ 7 hàng tuần bằng hình thức trao đổi trực tiếp, phân tích các video giáo viên cá nhân dạy trẻ trong tuần. Đây là một tiêu chí quan trọng nâng cao sự thành công trong việc can thiệp sớm cho trẻ, bởi sự tham gia của gia đình đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc giúp trẻ khái quát hóa các kỹ năng học được ở đa môi trường.

3	Bắt chước	Trẻ bắt chước 1 – 2 hành động chơi trong 1 trò chơi giác quan xã hội.	2	20	20	100	0	0	0	0
		Trẻ bắt chước 3 – 4 hành động chơi trong 3 trò chơi giác quan xã hội.	5	50	45	90	5	10	0	0
		Trẻ bắt chước tất cả các hành động chơi trong 5 trò chơi giác quan xã hội.	3	30	27	90	3	10	0	0
		Trẻ bắt chước tất cả các hành động chơi trong 7 trò chơi giác quan xã hội.	3	30	30	100	0	0	0	0
		Trẻ bắt chước tất cả các hành động chơi trong 10 trò chơi giác quan xã hội.	4	40	40	100	0	0	0	0
4	Khởi xướng	Trẻ với tay/kéo tay người lớn để tiếp tục hoặc khởi xướng hoạt động chơi trong trò chơi giác quan xã hội.	3	30	28	93	2	7	0	0
		Trẻ tự thực hiện 1 đến 2 hành động trong trò chơi giác quan xã hội để khởi xướng trò chơi.	5	50	22	44	14	28	14	28
		Trẻ phát âm 1 - 2 từ (chấp nhận phát âm gần đúng), kèm ánh nhìn về phía người lớn để khởi xướng trò chơi giác quan xã hội.	8	80	47	58	18	22,5	15	11,5
5	Luân phiên	Phát âm bập bẹ luân phiên (tối thiểu 2 vòng) với người lớn khi tham gia 1 trò chơi giác quan xã hội.	3	30	12	40	10	26	8	24
		Phát âm luân phiên ít nhất 2 từ đơn, thực hiện các hành động chơi luân phiên trong trò chơi khi tham gia 3 trò chơi giác quan xã hội.	7	70	37	52,8	26	37,1	7	11
		Phát âm luân phiên ít nhất 2 - 3 từ đơn, thực hiện các hành động chơi luân phiên trong trò chơi khi tham gia 5 trò chơi giác quan xã hội.	7	70	51	72,8	17	24,2	2	3
		Phát âm luân phiên ít nhất 2 - 3 từ đơn, thực hiện các hành động chơi luân phiên trong trò chơi khi tham gia 7 trò chơi giác quan xã hội.	10	100	68	68	21	21	1	1
		Phát âm luân phiên ít nhất 2 - 3 từ đơn, thực hiện các hành động chơi luân phiên trong trò chơi khi tham gia 10 trò chơi giác quan xã hội.	8	80	77	96,2	3	3,8	0	0

Lưu ý: SL: số lượng; TL: tỉ lệ

Trước khi bắt đầu chuỗi các hoạt động sử dụng trò chơi giác quan xã hội này, giáo viên đã tìm hiểu sở thích của trẻ và biết được trẻ rất thích các sự tác động vào cơ thể như nâng lên, đặt xuống, động chạm vào các phần cơ thể, ôm siết mạnh; trẻ có nhu cầu hoạt động rất nhiều; trẻ rất nhanh chán khi chơi các đồ chơi và chuyển hoạt động liên tục. Quá trình can thiệp nhằm phát triển kỹ năng tương tác xã hội cho trẻ được thể hiện ở bảng 1.

Mỗi trò chơi được lựa chọn thử và dạy trẻ qua nhiều buổi, mặc dù tổng tỉ lệ % tổng phản ứng đúng của trẻ có thể < 80% nhưng trẻ vẫn được đánh giá thành thực nếu thể hiện kỹ năng được 8/10 lần thử trong 1 buổi học mà không cần gợi nhắc của giáo viên trong môi trường can thiệp cá nhân. Nhìn vào bảng 1, có thể thấy sau 3 tháng thực hiện can thiệp, kỹ năng tương tác xã hội của trẻ có rất nhiều tiến bộ khi các mục tiêu can thiệp sử dụng các trò chơi giác quan xã hội, cụ thể như sau:

Đối với kỹ năng chú ý chung, ban đầu giáo viên lựa chọn trò chơi có hành động chơi đơn giản, tần suất thực hiện 1 lượt chơi khá nhanh và là trò chơi dễ thực hiện, phổ biến. Trẻ đáp ứng khá nhanh sau ít lần gợi nhắc và tuân thủ luôn trong buổi học đầu tiên. Với những mục tiêu cao hơn, giáo viên lựa chọn những trò chơi có các hành động phức tạp dần và thời gian của mỗi lượt chơi trò chơi kéo dài lên. Đòi hỏi trẻ cần phải duy trì sự chú ý lâu hơn để tham gia và tiếp tục trò chơi nếu trẻ muốn. Sau khi thử với 3 trò chơi đầu tiên ở mục tiêu 1 và 2, giáo viên nhận thấy trẻ tiếp thu khá nhanh, nhớ các hành động chơi tốt sau khi người lớn làm mẫu và rất thích những cử chỉ, hành động trong các trò chơi, nên đã chuyển sang các mục tiêu 3, 4, 5 trong những buổi học tiếp theo. Từ đó, khả năng duy trì sự chú ý chung vào trò chơi cùng người lớn của trẻ được cải thiện đáng kể.

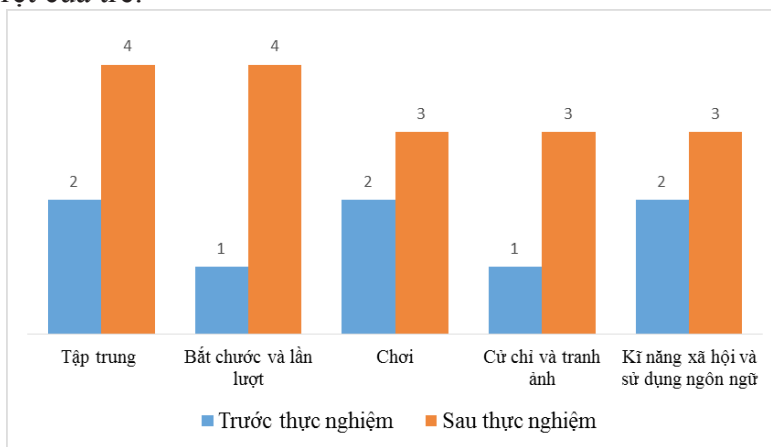
Đối với kỹ năng giao tiếp mắt, trẻ vẫn chưa hoàn toàn đạt được mục tiêu. Trẻ có thể hướng ánh nhìn về phía khuôn mặt của người đối diện nhưng để duy trì tương tác mắt trong toàn bộ hoạt động chơi vẫn khá khó khăn. Trẻ có thể duy trì giao tiếp mắt tốt nhất trong khoảng thời gian 1 – 3 phút dù giáo viên có sử dụng các chiến lược hỗ trợ như ngòai ngang tầm mắt trẻ, sử dụng ngữ điệu cao thấp trong khi chơi trò chơi, gọi tên trẻ. Tuy nhiên, kỹ năng giao tiếp mắt của trẻ vẫn có những tiến bộ đáng ghi nhận so với thời điểm ban đầu.

Trẻ hoàn toàn chiếm lĩnh được các mục tiêu trong kỹ năng bắt chước; trẻ có thể bắt chước đầu hầu hết các hành động, cử chỉ của giáo viên trong các trò chơi giác quan xã hội; trẻ nắm được qui luật của mỗi trò chơi và thể hiện với giáo viên khi giáo viên hát hoặc đọc các lời vãn trong trò chơi. Trẻ có thể ngừng nghỉ, hoặc làm nhanh chậm các hành động khi giáo viên cố tình đọc nhanh, đọc chậm hoặc ngừng không nói gì trong trò chơi.

Với kỹ năng khởi xướng trò chơi, trẻ đang thuần thực ở mục tiêu khởi xướng bằng cử chỉ/ điệu bộ như vớ tay, kéo tay và tự làm 1 – 2 hành động trong trò chơi. Hạn chế về ngôn ngữ diễn đạt khiến trẻ khó bắt chước phát âm một số từ được nhấn mạnh trong một số trò chơi bao gồm nhiều hành động chơi khác nhau.

Kỹ năng luân phiên, trẻ thể hiện sự luân phiên, lặp lại tốt hơn trong việc thực hiện các hành động trong trò chơi giác quan xã hội. Khả năng phát âm luân phiên cùng giáo viên của trẻ đang ở mức độ những âm đơn giản như các âm chỉ có nguyên âm như “ú, à, ù..” hoặc các âm bao gồm 1 phụ âm và nguyên âm như “zô, bò, ục, ba, xe, đi, xa, nhà, ...”

Sau thời gian thực hiện can thiệp 6 tháng và đánh giá lại trên trẻ, nhóm tác giả đưa ra bảng so sánh các kỹ năng của trẻ trước và sau khi thực nghiệm dưới đây chỉ ra sự tiến bộ rõ rệt của trẻ:



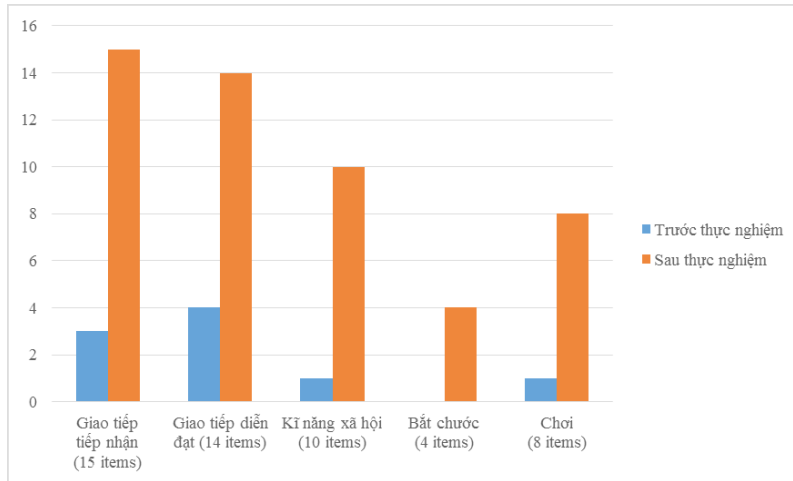
Biểu đồ 1. Bảng so sánh các kỹ năng TTXH của trẻ trước và sau khi thực nghiệm theo bảng đánh giá các kỹ năng giao tiếp sớm

Bảng đánh giá các kỹ năng giao tiếp sớm chia các kỹ năng thành 5 giai đoạn tương ứng với các mức độ kỹ năng được đánh giá lần lượt từ thấp đến cao. Thấp nhất là giai đoạn 1 và cao nhất là giai đoạn 5. Nhìn vào biểu đồ 1 có thể thấy rõ trẻ có sự tiến bộ ở tất cả các kỹ năng TTXH, các kỹ năng của trẻ đều được đánh giá ở giai đoạn cao hơn sau thời gian thực nghiệm. Cụ thể:

Kỹ năng tập trung của trẻ tăng lên 2 mức, từ giai đoạn 2/5 lên giai đoạn 4/5: trẻ sẵn sàng nhìn vào đồ vật lâu hơn và chờ phản ứng của người cùng chơi, trẻ hiểu được tính chất nhân quả khi chơi đồ chơi hoặc các trò chơi cùng người lớn.

Kỹ năng bắt chước và lần lượt tăng lên 3 mức, từ giai đoạn 1/5 lên giai đoạn 4/5: trẻ bắt chước những từ đơn trẻ nghe thấy trong khi chơi và phát âm luân phiên liên tục với người lớn; trẻ phát âm một số từ đơn trong các trò chơi quen thuộc để khởi xướng 1 lượt chơi mới hoặc 1 trò chơi trẻ thích để người lớn đáp ứng lại.

Kỹ năng xã hội và sử dụng ngôn ngữ tăng lên 1 mức, từ giai đoạn 2 lên giai đoạn 3: Trẻ phát âm từ “ạ” hoặc “xi” (xin) khi muốn một đồ vật hoặc đồ chơi, “bai” kèm vẫy tay khi chào người lớn; trẻ có thể sử dụng từ đơn gọi tên một số con vật, quả, người thân trong gia đình... như: bò, cá, chó, gà, nho, cà (chua), hấu (dưa hấu), cam, ba, mẹ (mẹ), bà, ô – tô, đi, ra, ha – ba (hai – ba),



Biểu đồ 2. Bảng so sánh các kỹ năng TTXH của trẻ trước và sau khi thực nghiệm theo bảng kiểm ESDM cấp độ 1

Bảng kiểm ESDM cấp độ 1 bao gồm 10 nhóm kỹ năng với 98 items, nhóm tác giả chỉ thực hiện đánh giá trước và sau thực nghiệm trên các nhóm kỹ năng TTXH, giao tiếp tiếp nhận, giao tiếp diễn đạt, bắt chước và chơi trên trẻ. Vì các nhóm kỹ năng này có tính mật thiết và gắn bó với nhau, yêu cầu trẻ cần phải có những kỹ năng nền tảng như chú ý chung, giao tiếp mắt, luân phiên, khởi xướng mới có thể thực hiện tốt được những items trong các nhóm kỹ năng này.

Biểu đồ 2 cho thấy trẻ có sự phát triển vượt bậc trong tất cả các nhóm kỹ năng sau thời gian được can thiệp.

Về kỹ năng xã hội trẻ đạt được độ thuần thực với 10/10 items, so với trước thực nghiệm là 1/10 items: Trẻ có thể duy trì giao tiếp mắt và sử dụng cử chỉ điệu bộ, phát âm để khởi xướng hoặc tiếp tục trong suốt quá trình chơi với người lớn; trẻ có thể nhìn và bắt chước người lớn trong suốt các hoạt động chơi song song với đồ vật; trẻ phản ứng với lời chào của người lớn bằng cách quay lại nhìn, giao tiếp mắt trong 2 – 3 giây và chào lại người lớn bằng cách vẫy tay và phát âm “bai”; trẻ cười kèm giao tiếp mới trong suốt hoạt động chơi với người lớn.

Về kỹ năng bắt chước trẻ đạt độ thuần thực với 4/4 items, so với trước thực nghiệm là 0/4 items: Trẻ có thể bắt chước được hơn 10 hành động 1 bước với đồ vật trong vòng 5 giây theo mẫu; trẻ bắt chước được tất cả các hành động thể chất trong

các trò chơi hoặc bài hát quen thuộc; trẻ có thể bắt chước chuyển động miệng – mặt như chu môi, thổi nến, hôn gió, lè lưỡi lêu lêu,...

Về kỹ năng giao tiếp tiếp nhận trẻ đạt độ thuần thục là 15/15 items, so với trước thực nghiệm là 3/15 items: Trẻ có thể dõi theo hướng chỉ tay để lấy đồ chơi ở địa điểm xa khi người lớn yêu cầu; phản ứng lại với mệnh lệnh “không”, “dừng lại”; trẻ đặt đồ vật vào tay người lớn khi người lớn xòe tay và yêu cầu; thực hiện các hành động 1 bước khi được yêu cầu bằng lời nói mà không cần người lớn gợi ý bằng cử chỉ điệu bộ như: lại đây, ngồi xuống đây, cất đồ chơi, lấy ô tô, vứt rác, mở cửa,...

Về kỹ năng giao tiếp diễn đạt trẻ đạt độ thuần thục với 14/14 items, so với trước thực nghiệm là 4/14 items: Trẻ có thể phát âm từ đơn các từ chỉ tên các thành viên trong gia đình, con vật, quả quen thuộc; Trẻ có thể chỉ tay để lựa chọn và gọi tên đồ chơi, đồ ăn trẻ muốn; Trẻ có thể phát âm lần lượt với đối tác giao tiếp kèm giao tiếp mắt; Trẻ thể hiện sự từ chối bằng cách đưa lại cho người lớn hoặc cất đồ vật về nơi qui định kèm từ “bài”; Trẻ yêu cầu sự giúp đỡ khi gặp khó khăn với đồ vật bằng cách đưa đồ vật cho người lớn, nhìn người lớn và chờ đợi.

Về kỹ năng chơi trẻ đạt độ thuần thục với 8/8 items, so với trước thực nghiệm là 1/8 items: Trẻ có thể hoàn thành hoạt động chơi và cất đồ khi người lớn yêu cầu bằng lời; Trẻ có thể chơi và tự thực hiện những hành động có chủ đích lên một loạt đồ chơi phù hợp với lứa tuổi của trẻ như: ô tô thả hình, xếp hoa, xếp khối, ghép hình 3 mảnh, xâu hạt, thổi bóng,...

Kết quả thực nghiệm từ biểu đồ 1 và biểu đồ 2 đã chỉ ra rằng, kỹ năng tương tác xã hội của trẻ có những chuyển biến tích cực và rõ rệt sau 6 tháng thực nghiệm. Từ đó, chúng ta có thể thấy được việc phát triển kỹ năng tương tác xã hội thông qua việc sử dụng các trò chơi giác quan xã hội mang lại hiệu quả cao cho trường hợp của trẻ này.

KẾT LUẬN

Các trò chơi giác quan xã hội được sử dụng trong chương trình can thiệp ESDM theo hướng tiến cận NDBI đã mang lại hiệu quả cho một trẻ tự kỉ ở Hà Nội. Sự tiến bộ rõ rệt của trẻ sau 6 tháng thực nghiệm theo hình thức can thiệp cá nhân kết hợp với sự hỗ trợ và sát sao của gia đình trẻ. Đa số các kỹ năng nền tảng thuộc nhóm kỹ năng tương tác xã hội của trẻ đều đạt mức độ tốt hơn so với trước khi can thiệp. Kỹ năng chú ý, bắt chước, luân phiên lần lượt của trẻ đạt được sự tiến bộ vượt bậc. Các kỹ năng còn lại là kỹ năng giao tiếp mắt và khởi xướng cũng đã có những chuyển biến rõ rệt. Như vậy, phát triển kỹ năng tương tác xã hội cho trẻ tự kỉ 2 – 3 tuổi thông qua trò chơi giác quan xã hội rất có tiềm năng và nên được nghiên cứu để đưa vào sử dụng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Schreibman, L., Dawson, G., Stahmer, A. C., Landa, R., Rogers, S. J., McGee, G. G., ... & Halladay, A. (2015). Naturalistic developmental behavioral interventions: Empirically validated treatments for autism spectrum disorder. *Journal of autism and developmental disorders*, 45, 2411-2428.
- [2]. Schoneberger, T. (2006). EIBT research after Lovaas (1987): A tale of two studies.
- [3]. Vygotsky, L. S., & Cole, M. (1978). *Mind in society: Development of higher psychological processes*. Harvard university press)
- [4]. Kasari, C., Gulsrud, A. C., Wong, C., Kwon, S., & Locke, J. (2010). Randomized controlled caregiver mediated joint engagement intervention for toddlers with autism. *Journal of autism and developmental disorders*, 40, 1045-1056.
- [5]. Kasari, C., Sigman, M., Mundy, P., & Yirmiya, N. (1990). Affective sharing in the context of joint attention interactions of normal, autistic, and mentally retarded children. *Journal of autism and developmental disorders*, 20(1), 87-100.
- [6]. Yoder, P., & Stone, W. L. (2006). A randomized comparison of the effect of two prelinguistic communication interventions on the acquisition of spoken communication in preschoolers with ASD.
- [7]. Dawson, G., & Bernier, R. (2013). A quarter century of progress on the early detection and treatment of autism spectrum disorder. *Development and psychopathology*, 25(4pt2), 1455-1472.
- [8]. D'Agostino, S. R., Dueñas, A. D., Bravo, A., Tyson, K., Straiton, D., Salvatore, G. L., ... & Pellicchia, M. (2023). Toward deeper understanding and wide-scale implementation of naturalistic developmental behavioral interventions. *Autism*, 27(1), 253-258.
- [9]. Nguyễn, T. H., & Đỗ, T. T. (2021). Biện pháp sử dụng mô hình can thiệp sớm denver (ESDM) giáo dục trẻ rối loạn phổ tự kỉ 2-3 tuổi trong môi trường chuyên biệt= Methods of application of the Early Start Denver Model (ESDM) in the education of children with Autism Spectrum Disorders (ASB) between 2 and 3 years old in a special environment.